

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS – ST;

Ngày: 28-6-2021;

V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Mai Văn Du.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án DS thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62b/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F. Địa chỉ: Đường số 1, KCN C, Tp. Đà Nẵng. Đại diện hợp pháp: ông Bùi Minh, chức vụ: Chủ tịch công đoàn. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thực phẩm D. Địa chỉ: đường T, phường X, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Đại diện hợp pháp: Ông Lương Thành Đ, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F trình bày:*

Ngày 05/12/2019, Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F (sau đây gọi là Công đoàn F) cùng Công ty TNHH Điện tử F (sau đây gọi là Công ty F) và Công ty TNHH Thực phẩm D (sau đây gọi là Công ty D) tiến hành ký Hợp đồng mua bán số 087/HĐMB/TD-F 12/2019 với nội dung là Công ty TNHH Thực phẩm D sẽ

cung cấp cho Công đoàn F và Công ty F Đà Nẵng 1.400 thùng bia Tiger Xuân quy cách thùng 24 lon x 330ml, đơn giá 320.000 đồng/ thùng, tổng giá trị Hợp đồng là 448.000.000 đ; mỗi bên sẽ thanh toán cho Công ty D 224.000.000 đ. Thực hiện Hợp đồng, ngày 06/12/2019, Công đoàn F và Công ty F đã thanh toán trước 100% giá trị Hợp đồng (Phiếu báo nợ số giao dịch FT19340242487746 và Ủy nhiệm chi). Thời gian giao hàng là trước ngày 15/01/2020.

Đến ngày 09/01/2020, Công ty D thông báo không thể giao hàng và tiến hành làm Biên bản thanh lý Hợp đồng với Công đoàn F và Công ty F. Theo đó, Công ty D có cam kết hoàn lại toàn bộ số tiền 448.000.000đ cho Công đoàn F và Công ty F chậm nhất là ngày 16/01/2020. Tuy nhiên, đến hết tháng 01/2020, Công ty D vẫn không hoàn trả số tiền như đã cam kết.

Ngày 31/01/2020, Công ty D gửi Giấy cam kết trả nợ với nội dung cam kết thanh toán các khoản nợ theo bản thanh lý Hợp đồng mua bia trước ngày 06/02/2020. Ngày 06/02/2020, Công ty D gửi Giấy cam kết trả nợ với nội dung cam kết thanh toán các khoản nợ theo bản thanh lý Hợp đồng mua bia trước ngày 18/02/2020. Ngày 17/02/2020, Công ty D hoàn trả 224.000.000đ cho Công ty F (theo Chứng từ giao dịch số 170220.14.001415).

Ngày 18/02/2020, Công ty D hoàn trả 24.000.000đ cho Công đoàn F (Phiếu báo có số FT20049A04005265). Ngày 18/02/2020, Công ty D gửi Giấy cam kết trả nợ cho Công đoàn F với nội dung cam kết thanh toán khoản nợ còn lại là 200.000.000đ cho Công đoàn F trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày 18/02/2020 và sẽ trả lãi suất phát sinh phần còn lại. Ngày 18/02/2020, Công đoàn F gửi Công văn số 182/FVD cho Công ty D với nội dung yêu cầu Công ty D hoàn trả số tiền còn lại là 200.000.000đ cho Công đoàn F chậm nhất là ngày 05/03/2020.

Tuy nhiên, đến ngày 28/6/2021, Công đoàn F chưa nhận được số tiền này từ Công ty D cũng như không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty D. Công đoàn F đến tại trụ sở thì Công ty D đã chuyển đi nơi khác và không thông báo đã chuyển đi đâu.

Nay Công đoàn F khởi kiện yêu cầu Công ty D phải trả ngay số tiền tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 226.301.369đ, trong đó tiền gốc chậm trả là 200.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10% /năm tính từ ngày 05/03/2020 đến ngày 28/6/2021 là 26.301.369đ.

* *Đối với bị đơn Công ty TNHH Thực phẩm D:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập nhiều lần và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, bị đơn Công ty D đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

* *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa:*

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, việc tuân thủ pháp luật của HĐXX tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ tài liệu do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp, Công ty TNHH Thực phẩm D có đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: đường T, phường X, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng do ông Lương Thành Đ, chức vụ: Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng có thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ tp. Đà Nẵng đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS. Bị đơn không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 BLTTDS.

[1.3] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán số 087/HĐMB/TD-F 12/2019 giữa các bên căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005. Tuy nhiên, xuất phát từ hoạt động của công đoàn không nhằm mục tiêu lợi nhuận và việc giao kết Hợp đồng cung cấp bia giữa các bên nhằm mục đích phát quà tết cho đoàn viên công đoàn. Tại phiên tòa, nguyên đơn cũng thống nhất áp dụng quy định của BLDS 2015 nên HĐXX căn cứ BLDS 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung

[2.1] Đối với yêu cầu trên số tiền chưa hoàn trả là 200.000.000 đ

Ngày 05/12/2019, Công đoàn F cùng Công ty F Đà Nẵng và Công ty D tiến hành ký Hợp đồng mua bán số 087/HĐMB/TD-F 12/2019, theo đó Công ty D sẽ cung cấp cho Công đoàn F và Công ty F 1.400 thùng bia Tiger Xuân quy cách thùng 24 lon x 330ml, đơn giá 320.000đ/ thùng, tổng giá trị Hợp đồng là

448.000.000đ. Mỗi bên sẽ thanh toán cho Công ty D 224.000.000đ. Thực hiện Hợp đồng, ngày 06/12/2019, Công đoàn F và Công ty F đã thanh toán trước 100% giá trị Hợp đồng (Phiếu báo nợ số giao dịch FT19340242487746 và Ủy nhiệm chi đính kèm). Thời gian giao hàng theo thỏa thuận là trước ngày 15/01/2020. Xét thấy, các bên ký kết Hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên đã giao kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 398, các Điều từ 430 đến 440 BLDS 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Đến ngày 09/01/2020, Công ty D thông báo không thể giao hàng và tiến hành làm Biên bản thanh lý Hợp đồng với Công đoàn F và Công ty F, thể hiện việc Công ty D có cam kết hoàn lại toàn bộ số tiền 448.000.000đ cho Công đoàn F và Công ty F chậm nhất là ngày 16/01/2020. Ngày 17/02/2020, Công ty D hoàn trả 224.000.000đ cho Công ty F.

Ngày 18/02/2020, Công ty D hoàn trả 24.000.000đ cho Công đoàn F và cam kết thanh toán khoản nợ còn lại là 200.000.000đ cho Công đoàn F trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày 18/02/2020 và sẽ trả lãi suất phát sinh phần còn lại. Đến nay, Công ty D vẫn chưa thanh toán.

Như vậy, tại thời điểm ngày 09/01/2020, do Công ty D không có khả năng thực hiện Hợp đồng và giữa các bên đã ký kết biên bản thanh lý Hợp đồng. Điều này cho thấy Hợp đồng đã được các bên thống nhất chấm dứt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 422 BLDS. Căn cứ Điều 1.2 Biên bản thanh lý Hợp đồng, công ty D cam kết hoàn trả số tiền đã nhận là 448.000.000đ được từ Công đoàn F và Công ty F. Tuy nhiên, tính đến ngày 18/02/2020 thì bị đơn chỉ hoàn trả đủ tiền cho Công ty F, còn Công đoàn F chỉ nhận được 24.000.000đ. Số tiền còn lại 200.000.000đ, công ty D cam kết hoàn trả nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, HĐXX cấp sơ thẩm có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của Công đoàn F, buộc Công ty D thanh toán số tiền nợ là: 200.000.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu tiền lãi chậm trả.

Về thời gian tính lãi: Công ty D hoàn trả 24.000.000đ và cam kết thanh toán khoản nợ còn lại là 200.000.000đ trong thời hạn 03 tháng tính từ ngày 18/02/2020 và trả lãi phát sinh (BL12). Đồng thời, Công đoàn F có văn bản yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn lại là 200.000.000 đ cho Công đoàn F chậm nhất là ngày 05/03/2020 (BL13). Tại Đơn trình bày ngày 28/6/2021 và tại phiên tòa, Công đoàn F yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi theo thời hạn từ ngày 05/3/2020 đến ngày

28/6/2021 là có lợi cho bị đơn và phù hợp với thực tế thỏa thuận nên HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Tại Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc. Căn cứ Giấy cam kết trả nợ của Công ty D ngày 18/02/2020 thì công ty cam kết trả lãi phát sinh đối với số tiền còn lại. Do các bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi suất nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS, HĐXX có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 10%/năm do nguyên đơn yêu cầu.

Như vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi, buộc Công ty D phải thanh toán số tiền lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán theo lãi suất 10%/năm, tạm tính từ ngày 05/3/2020 đến ngày 28/6/2021, là: 26.301.369đ

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH Thực phẩm D phải thanh toán số tiền là: 226.301.369đ trong đó tiền gốc là 200.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 26.301.369đ theo mức lãi suất 10%/năm.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên Công ty TNHH Thực phẩm D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Công đoàn F được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Công đoàn F tự nguyện chịu (đã nộp và đã chi).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS;
- Điều 398, Điều 422, các Điều từ 430 đến 440 Bộ luật Dân sự 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F, buộc Công ty TNHH Thực phẩm D phải trả toàn bộ số nợ cho Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F là: 226.301.369 đồng trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/6/2021 là 26.301.369 đồng theo mức lãi suất 10%/năm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Thực phẩm D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Thực phẩm D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 11.315.068 đồng.

Hoàn trả cho Công đoàn Công ty TNHH Điện Tử F số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 5.500.000 đồng theo Biên lai số 0008695 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Hưng